TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **150**/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 217/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Ấp 5 xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà **Phạm Thị Thùy T**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Ấp 5 xã An K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thùy T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/1998 ở Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì ông Q và bà T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nên hôn nhân giữa ông Q và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông Q và bà T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn cho ông Q và bà T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Q và bà T đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Quá trình hôn nhân ông Q và bà T đều thống nhất có một con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 31/12/2001, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Qvà bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Q và bà T đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Q tự nguyện chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thùy T. Quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà T chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Ghi nhận ông Q và bà T không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 31/12/2001, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thùy T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thùy T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Q đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0009982 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn